

Số: /2025/QĐ-UBND Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 846/TTr-SNN&MT ngày 25 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.
- Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (trước sáp nhập) ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (trước sáp nhập) ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Các phòng: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

QUY ĐỊNH
Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, bao gồm: phân loại, thu gom, lưu chứa, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

2. Những nội dung có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt không quy định tại Quy định này, thực hiện theo văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là tổ chức, cá nhân thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Chương II
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 4. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại tại nguồn, cụ thể như sau:

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: giấy thải; nhựa thải; kim loại thải và các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế khác.
- Chất thải thực phẩm: thức ăn thừa; thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn; các

sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm, thủy, hải sản.

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác:

a) Chất thải nguy hại: bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại; bình gas mini thải từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); các loại bóng đèn huỳnh quang thải; bóng đèn led thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải và các chất thải sinh hoạt khác chứa thành phần nguy hại;

b) Chất thải công kênh phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân bao gồm: tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng; tủ sắt, khung cửa, cánh cửa; cành cây, gốc cây và các chất thải có tính chất tương đương;

c) Chất thải sinh hoạt khác còn lại: các chất thải không quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 5. Thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 4 của Quy định này, được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu chứa (thùng hoặc thùng có lót túi cho từng loại riêng biệt). Bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo không bị rách, bể, rò rỉ, phát tán mùi hôi tại nơi lưu chứa, điểm tập kết, trạm trung chuyển và trong quá trình vận chuyển.

2. Đối với chất thải nguy hại: hộ gia đình, cá nhân lưu chứa vào bao bì (túi) hoặc thiết bị (thùng) lưu chứa riêng và bảo quản trong thời gian chờ chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển, đảm bảo không bị rách, bể, rò rỉ và không để lẫn với chất thải khác.

3. Chất thải công kênh: hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản trong thời gian chờ chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và không được tập kết chất thải công kênh ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng.

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (sau đây gọi là Luật Bảo vệ môi trường) có trách nhiệm tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại theo Quy định này.

5. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải bố trí khu vực hoặc thùng chứa cho từng loại chất thải để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 26 Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến hộ gia đình, cá nhân.

Điều 6. Tuyến đường, thời gian và phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Tuyến đường, thời gian thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Gồm đường trong khu vực đô thị (đường đô thị) và đường ngoài khu vực đô thị (gồm các tuyến đường còn lại như đường tỉnh, huyện,...);

b) Đối với đường đô thị: thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ 18 giờ ngày hôm trước đến trước 6 giờ ngày hôm sau;

c) Đối với các đường ngoài khu vực đô thị: không quy định thời gian. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư xác định cụ thể thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố rộng rãi nhằm đảm bảo hiệu quả, an toàn giao thông và hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm.

d) Các khung thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nêu trên không áp dụng đối với những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước.

2. Phương tiện thu gom, vận chuyển:

a) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng phương tiện thu gom, vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đảm bảo không để lẫn các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại;

b) Đối với những nơi không thuận tiện cho phương tiện thu gom theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí các phương tiện phù hợp theo quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo không rơi vãi, rò rỉ nước rỉ rác trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển để vận chuyển về nơi xử lý.

Điều 7. Tần suất và địa điểm thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Tần suất và địa điểm thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn

sinh hoạt và Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức cuộc họp xác định tần suất, địa điểm thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và thông báo công khai đến hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương và đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Đối với chất thải nguy hại, tần suất và địa điểm thu gom, vận chuyển được thực hiện theo thông báo của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện việc thu gom trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì hoặc chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn và thông báo tần suất, địa điểm thu gom đến hộ gia đình, cá nhân để cùng phối hợp thực hiện, đảm bảo không lưu chứa quá 12 tháng.

Điều 8. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

2. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Hộ gia đình, cá nhân có thể chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3. Chất thải rắn không có khả năng tái sử dụng, tái chế (không bao gồm chất thải công kênh): Hộ gia đình, cá nhân chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo thông báo về tuyến đường, thời gian, tần suất, địa điểm thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Chất thải công kênh: hộ gia đình, cá nhân bảo quản và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển theo đúng thời gian phương tiện thu gom đi qua, không được tập kết trước ra vỉa hè, lòng lề đường gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và trật tự công cộng. Chất thải này được xử lý tại khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt hoặc tại các cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

5. Chất thải nguy hại: hộ gia đình, cá nhân lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng tần suất, địa điểm thu gom do Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo. Chất thải này được xử lý tại cơ sở xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp giấy phép môi trường.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai

thực hiện Quy định này. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong hoạt động phân loại, thu gom, lưu chứa, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định phương án giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, hướng dẫn thủ tục liên quan lĩnh vực xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; trạm trung chuyển, cơ sở xử lý, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp quy hoạch được duyệt;

b) Kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải sinh hoạt trái quy định, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp, hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan giám sát các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoạt động đúng tuyến đường, thời gian theo quy định thông qua thiết bị định vị giám sát hành trình và giám sát bằng hệ thống camera giao thông do Sở Xây dựng quản lý;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất vị trí tiếp nhận, điểm tập kết, điểm tập trung, tuyến đường, thời gian thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã, phường.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, rà soát, nghiên cứu tham mưu bổ sung chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với hoạt động đầu tư xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh vào quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối, ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước; phối hợp Sở Nông nghiệp và

Môi trường tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thu, chi, quản lý nguồn kinh phí thu được từ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường. Phát động các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải và vệ sinh môi trường cho học sinh;

b) Lồng ghép vào chương trình dạy học ở các môn học phù hợp với yêu cầu của từng cấp học; tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tuyên truyền nhằm góp phần giáo dục học sinh ý thức thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.

5. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an cấp xã tăng cường công tác phòng, chống tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định pháp luật;

b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo đúng tải trọng theo quy định, kịp thời phát hiện các hành vi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh quá khổ, quá tải trọng, rơi vãi trên đường trong quá trình vận chuyển; các hành vi đổ trộm chất thải, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

6. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động, tập huấn nâng cao nhận thức về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt cho các đối tượng thuộc lĩnh vực quản lý của ngành công thương theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các cụm công nghiệp, bao gồm các hoạt động: triển khai công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; truyền thông, tuyên truyền về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm tra phân loại, quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các cụm công nghiệp.

7. Các sở, ban, ngành khác:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai quy định này trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện theo Quy định này và thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 76, khoản 1 và khoản 7 Điều 77, khoản 2 Điều 78, khoản 2 và khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; khoản 2 và khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; điểm đ khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Thông báo công khai trên hệ thống thông tin công cộng của xã, phường: Vị trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển, thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý để người dân biết, thực hiện;

c) Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết, trạm trung chuyển đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và giải quyết phản ánh các trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Rà soát, bố trí bao bì, thiết bị lưu chứa và khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tập trung tại địa phương phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT. Hướng dẫn hộ gia đình cá nhân trên địa bàn quản lý thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại về khu vực lưu chứa theo quy định này, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý do chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân chưa được phân loại, lưu chứa, thu gom, vận chuyển theo quy định;

e) Bố trí kinh phí cho hoạt động tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn quản lý theo quy định này và các quy định pháp luật có liên quan;

g) Tổ chức lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long và các tổ chức chính trị - xã hội:

Tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và cộng đồng dân cư gương mẫu thực hiện công tác phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo Quy định này. Đồng thời, tăng cường giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

10. Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; kịp thời đưa tin các tổ chức, cá nhân và địa phương thực hiện tốt hoặc các trường hợp bị xử lý vi phạm trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quy định này.

11. Hộ gia đình, cá nhân:

a) Thực hiện theo Quy định này và thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 60, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 75, khoản 5 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

b) Chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện theo Quy định này và thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT và Quy định này.

3. Lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Giá 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo không để

roi vãi chất thải rắn sinh hoạt gây phát tán bụi, mùi hôi hoặc nước rò rỉ trong quá trình thu gom, vận chuyển; thực hiện hoạt động thu gom rác đúng giờ, đúng địa điểm để tránh tình trạng tồn đọng, gây mùi hôi và ô nhiễm môi trường, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị để đảm bảo an toàn cho người lao động và cộng đồng.

5. Vệ sinh khu vực điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện thu gom, vận chuyển, đảm bảo mỹ quan đô thị, không gây ô nhiễm môi trường. Vệ sinh, phun xịt rửa mùi phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi ra khỏi trạm trung chuyển, cơ sở xử lý và sau khi hoàn thành công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

6. Tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về tuyến đường, thời gian tại khoản 1 Điều 6 Quy định này; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về tần suất, địa điểm tại Điều 7 Quy định này.

7. Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất (trường hợp được cơ quan chức năng yêu cầu) về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đơn vị tổ chức thu gom.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện theo Quy định này và thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Lập phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Giá 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT, Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT và pháp luật có liên quan.

3. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về cơ sở theo đúng cam kết trong giấy phép môi trường được cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được giao quản lý, vận hành.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất (trường hợp được cơ quan chức năng yêu cầu) về tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đơn vị tổ chức thu gom, xử lý.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết./.